

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA SỰ BIẾN ĐỔI XÃ HỘI SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

TƯƠNG LAI

Kể từ 1986, Việt Nam đã có 10 năm thử nghiệm một chuyển đổi lớn lao mà chỉ trước đó vài năm khó có ai hình dung nổi. Một kiến trúc sư người Pháp - ông Edouard de Penguilly - trong một hội thảo khoa học ở Hà Nội có nhận xét rằng: "Lịch sử cổ xưa và hiện đại của dân tộc này cho thấy họ đã luôn luôn tìm ra những giải pháp độc đáo cho những vấn đề gặp phải". Liệu có thể xem những quyết sách được đề ra trong sự nghiệp Đổi Mới ở Việt Nam mười năm qua là những giải pháp độc đáo được không ?

Nhiều người nước ngoài đến Việt Nam trong vài năm trở lại đây dễ cảm nhận được một chuyển đổi rõ rệt so với những lần họ có dịp đến đây trước 1986: một nhịp sống sôi động hơn, bầu không khí cởi mở và thoáng đạt hơn trong trao đổi và tiếp nhận thông tin, trong gương mặt đô thị soi chiếu được những đường nét khởi sắc của khu vực kinh tế tư nhân: các cửa hàng tư nhân khá lộng lẫy, những biển hiệu ghi rõ tên các công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty liên doanh với nước ngoài được tô đậm và treo lên một cách trang trọng, hào nhoáng. Thậm chí, người ta bắt gặp những tên trường tư thục và dân lập từ tiểu học cho đến đại học xuất hiện khá thường xuyên trên một số báo ngày, báo tuần. Và nhà mới xây, do Nhà nước bỏ vốn xây dựng cũng có, nhưng chủ yếu là nhà tư nhân mọc lên như nấm, giá đất đô thị ở Hà Nội tăng vọt, có người cho là ở một số khu vực hấp dẫn của Hà Nội còn đắt hơn đất ở Tokyo !

Làm nên cho nhịp sống sôi động đó là nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước là khoảng 9%. Ngay trong năm 1996 này, năm mà thiên tai dồn dập ập xuống hầu như khắp cả 3 miền của đất nước, trong báo cáo tại kỳ họp Quốc hội từ 15-10 đến 15-11 vừa rồi, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đưa ra con số ước tính GDP tăng 9,5%, trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng khoảng 4,8 đến 5% với số lượng lương thực đạt 28 triệu tấn, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14%, kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 27 đến 28%, chỉ số lạm phát giá cả năm có thể giữ được ở mức tăng từ 6 đến 7%, bội chi ngân sách khoảng 4% GDP, tích lũy trong nước đạt 19% GDP.

Nhưng, cùng với những hồ hởi, khởi sắc, vào nửa cuối năm 1996 này, sự lạc quan dường như có chừng lại cùng với những suy tư.

Những đợt sóng của Đổi Mới dồn dập vào thời kỳ chuyển đổi ban đầu nay có chiều hướng chậm lại, trầm lắng hơn. Công cuộc Đổi Mới bước vào chặng khó khăn hơn, những mặt yếu kém càng bộc lộ rõ hơn như môi trường pháp lý và chiến lược kinh tế vĩ mô, các hoạt động tài chính tiền tệ tỏ ra bất cập. Cùng với cái đó, tần suất các thông tin về tham nhũng được xem như "quốc nạn" vọt lên nhanh chóng, công ăn việc làm cho người lao động ngày càng khó kiếm hơn, tệ nạn ma túy, mại dâm, lạm dụng tình dục trẻ em và nguy cơ AIDS được báo chí rung chuông báo động v.v... Tâm trạng trầm lắng lại để suy tư và chờ đợi một cái gì đó mạnh mẽ hơn, có sức kích thích

ngại lự và niềm tin vào sự thăng tiến xã hội dường như làm cho người ta dè dặt hơn cho những mong muốn của chính mình.

Việc làm đối với thanh niên, những người chưa được đào tạo đầy đủ cũng như những người đã được đào tạo chính quy ở nhà trường phổ thông, chuyên nghiệp, đại học trở nên nóng bỏng. Trình độ được đào tạo không đáp ứng được công việc hay không có công việc xứng đáng với trình độ được đào tạo, câu hỏi ấy chưa có sự trả lời thật rõ ràng.

Đồng lương cũng đang trở nên nghiêm nhặt hơn. Sự tương đối dễ kiếm tiền trong những năm đầu của Đổi Mới và Mở cửa đã được thay thế bằng một đòi hỏi chặt chẽ cho những lao động nghiêm túc và có hiệu suất cao. Cùng với một số người tìm thấy những vị trí thích hợp với thu nhập cao bằng một hiệu suất lao động đáp ứng được đòi hỏi của công việc, số khá đông đang phải xếp hàng dài ở những "trung tâm xúc tiến hoặc tư vấn việc làm". Các tụ điểm tập trung của người lao động từ nông thôn ra, gọi nôm na là "chợ lao động" luôn luôn có mật độ cao. Phương tiện hành nghề của họ chỉ đơn giản là đôi quang gánh, mà thông thường chỉ là đôi vai, đôi tay khuôn vác và đôi chân dẻo dai vì vốn quen lội ruộng bùn, ngoài cái đó ra, họ không có phương tiện và kỹ năng nào khác - Những "chợ lao động" nói trên chỉ là đôi nét bóng dáng của 40% lao động đôi dư ở nông thôn (nơi chiếm đến 70% lao động của cả nước) được vẽ lên trên gương mặt đô thị. Nét vẽ này sẽ được tô đậm mãi lên cùng với dòng người từ nông thôn tràn vào đô thị kiếm việc làm ngày càng đông. Lao động và việc làm là vấn đề nổi lên gay gắt, và theo tôi, đó cũng là nguyên nhân chủ yếu đẩy tới những tệ nạn xã hội nói trên.

Cùng với những vấn đề trên, nạn ô nhiễm môi trường đang ngày càng phô bày rõ nét trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Hơn thế nữa, những hậu quả nặng nề của lũ lụt dồn dập và rộng khắp ập đến cuộc sống của cả nông thôn lẫn đô thị làm cho con người cảm nhận rõ hơn sự trả thù của thiên nhiên đối với những hành động vô ý thức của con người đã phá hủy môi trường tự nhiên, nguồn sống của chính mình.

Rốt cuộc lại, từ những nét phác thảo về gương mặt xã hội của Việt Nam sau mười năm Đổi Mới có thể nêu lên những điều gì là mấu chốt ?

1. Tính năng động xã hội được đẩy tới đang làm chuyển đổi nhanh nhịp sống của xã hội, đặc biệt là nhịp sống đô thị. Trong cái bề bộn, ngổn ngang của sự chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường trên một mặt bằng xã hội vẫn mang nặng lối sống tiểu nông và tinh thần cộng đồng và dân chủ làng xã, mỗi người dường như được tháo gỡ những sự kiềm tỏa nào đó đang hốt hả bươn chải trong cuộc cạnh tranh để tìm chỗ đứng thích hợp. Khi nói mỗi người, tôi muốn nói đến sự tháo gỡ những sợi dây ràng buộc quá chặt của truyền thống cộng đồng khiến cho tính năng động của cá nhân bị thui chột.

Tinh thần cộng đồng mạnh mẽ vốn là nét ưu trội trong tâm thức của con người Việt Nam trong một xã hội nông nghiệp kéo dài triền miên. Nét ưu trội đó từng là sức mạnh to lớn của dân tộc này. Song, không thể không nhận thấy rằng trong nét ưu trội đó, ý thức cá nhân không phát triển, cá nhân bị hòa tan vào trong cộng đồng. Thời kỳ cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp lại cũng vẫn tiếp tục phát huy tính ưu trội đó và dung dưỡng cho một chủ nghĩa bình quân theo kiểu dân chủ làng xã. Từng cá nhân một không có nhiều cơ hội để tự khẳng định được mình.

Vì thế khi bước vào cơ chế thị trường, trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển, nhu cầu giải phóng cá nhân trở thành một điều kiện để tranh thủ những cơ may và vận hội mới. Những hoạt động kinh tế sôi động là lực hút và cũng là lực đẩy cho sự phát triển tiềm năng của từng người, cũng do vậy, người ta đo được tính di động xã hội cao hơn rất nhiều so với trước đây.

Tính năng động xã hội tạo ra một lực đẩy từ dưới lên, lực đẩy ấy là sự hợp thành sức mạnh của từng người, từng nhóm xã hội ở cả nông thôn lẫn đô thị. Họ không chỉ là người hưởng thụ bị động những thành quả của Đổi Mới, họ chính là “đồng tác giả” của công cuộc Đổi Mới ấy. Cũng do vậy, dễ thấy rằng thành quả của Đổi Mới được đón nhận rộng khắp trong đông đảo mọi người vì cũng chính họ tạo nên động lực thúc đẩy sự nghiệp Đổi Mới ngày càng phát triển sâu hơn, rộng hơn mà có khi chính người lãnh đạo cũng không lường hết được. Và chính vì thế, quần chúng ngày càng đòi hỏi nghiêm khắc hơn, cụ thể hơn ở người lãnh đạo mà họ phó thác cuộc sống của họ.

Trong tính năng động xã hội ấy, sức sống của lớp trẻ đã tỏ rõ một chiều hướng rất đáng chú ý. Họ thích nghi nhanh với cơ chế mới, nhịp sống mới. Đây đó, không tránh khỏi những cực đoan, sốc nổi, nhưng nhìn chung thì tính năng động của lớp trẻ đang làm nền cho nhịp sống sôi động của xã hội.

Tính năng động ấy còn được thể hiện rõ trong việc người dân tự lo lấy công việc của chính mình. Không phải ngẫu nhiên mà có trường dân lập hoặc tư thục, có những cơ sở y tế tư nhân, thậm chí cả những cuộc di cư tự phát từ vùng núi phía Bắc vào Tây Nguyên. Phải chăng là đã manh nha một nền kinh tế dân sự, một xã hội dân sự, tự quản. Hiện tượng mới đó còn non trẻ, ấu trĩ nhưng triển vọng rất đáng mong chờ vì đó chính là dân chủ hóa từ gốc.

Đương nhiên, cũng phải tính đến một thực tế là, những đợt sóng của Đổi Mới chưa lan tới được các vùng sâu, vùng xa, nơi giao thông cách trở, đi lại khó khăn và vẫn đang phải chịu nhiều sự thiệt thòi. Đó là điều khó tránh khỏi.

Chính tính năng động xã hội ấy là nét nổi bật của xã hội Việt Nam sau 10 năm Đổi Mới và cũng là một sức mạnh to lớn đẩy sự nghiệp Đổi Mới đi tới.

2. Cuộc đua tranh dưới áp lực của thị trường đẩy tới sự phân tầng xã hội dồn dập hơn, rõ nét hơn. Đối với một nếp sống của chủ nghĩa bình quân kéo dài triền miên với nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu không sao chuyển nổi sang kinh tế hàng hóa, nếp sống ấy được củng cố bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp tuy có những biến tướng, thì sự dồn dập của các đợt sóng phân tầng xã hội nói trên dễ gây nên những phản ứng đối nghịch nhau.

Đương nhiên, có một sự thật phải chấp nhận: chính sự phân tầng ấy lại đang tạo ra động lực của sản xuất, tăng trưởng kinh tế. Cơ chế thị trường sàng lọc nhanh chóng những tài năng có thể thích ứng với nó. Trải qua sự sàng lọc đó, con người có thể hoặc buộc phải được đặt vào những công việc, những vị thế xã hội phù hợp với năng lực của họ. Để không bị đào thải, từng cá nhân phải có nỗ lực thường xuyên. Sự cạnh tranh khiến cho sản phẩm được tạo ra nhiều hơn, tốt hơn và cũng do vậy thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng phát triển mạnh hơn. Điều đáng lưu ý là, nếu quan sát kỹ, sẽ thấy rằng, nhìn chung, mức sống của các tầng lớp cư dân đều được nâng lên do thành quả của Đổi Mới. Hay nói cách khác, có thể có những người bị thiệt thòi trong mặt bằng chung được nâng lên, chứ không có những giai tầng hoặc những nhóm xã hội lớn bị đẩy xuống.

Chẳng hạn như, nếu tính đến con số 1 triệu người lao động trong các xí nghiệp, công ty thuộc khu vực nhà nước bị đẩy ra ngoài khi vận hành cơ chế mới thì cũng tuyệt đại bộ phận trong số họ đã tìm thấy chỗ đứng mới ở trong cái gọi là khu vực phi chính thức với một thu nhập khá hơn.

Lẽ dĩ nhiên, không thể không thấy những nhóm người đang khốn khó và nghèo đi trong đà phát triển chung của xã hội. Đó là những người vốn dễ bị chấn thương và không có sức tự bảo vệ khi gặp tai nạn bất ngờ, khi phải chống chọi với thiên tai, những người cô đơn, tàn tật vừa

6 Những vấn đề của sự biến đổi xã hội sau 10 năm Đổi Mới ở Việt Nam

không có sức lao động vừa không có phương tiện để kiếm sống mà trước đây họ được bao cấp bởi các Hợp tác xã nông nghiệp hoặc các quỹ phúc lợi của nhà máy, xí nghiệp quốc doanh.

Khác hẳn với những đối tượng này, một nét khởi sắc cần tính đến là sự xuất hiện những nhà doanh nghiệp trẻ. Họ chưa có mấy bề dày kinh nghiệm, chưa được đào tạo có bài bản, song bằng sự năng động của tuổi trẻ, họ đã tỏ rõ sức bật mới đáng chú ý. Chính họ sẽ là lực đẩy quan trọng của các bước phát triển mới.

Để hình dung rõ hơn về diện mạo của sự phân tầng về thu nhập, chúng tôi đưa ra đây vài số liệu của cuộc khảo sát xã hội học theo phương pháp chọn mẫu và phỏng vấn qua bảng hỏi tại 8 vùng đô thị và nông thôn ở cả ba vùng Bắc, Trung, Nam trong cả nước năm 1994 :

Hệ số Gini và thu nhập trung bình đầu người một tháng ở các địa bàn khảo sát:

Địa phương	Hệ số Gini	Thu nhập trung bình (đồng)
Thị trấn phò Hụ Néi	0.44	224.520
Thị trấn phò Hả ChÝ Minh	0.35	491.390
Thị trấn phò CÇn Th	0.32	265.580
Thị trấn phò §µ N½ng	0.29	148.300
Thị trấn x. H¶i D--ng	0.25	181.900
N«ng th«n CÇn Th	0.40	188.430
N«ng th«n Qu¶ng Nam-§µ N½ng	0.37	135.370
N«ng th«n H¶i H-ng	0.27	100.590
CHUNG	0.34	165.000

Như vậy là trung bình thu nhập ở Hà Nội chỉ bằng một nửa thành phố Hồ Chí Minh, và thậm chí còn kém cả thành phố Cần Thơ nhưng lại có hệ số Gini cao nhất.

Tương tự như vậy có thể thấy hệ số Gini rất cao cả ở những vùng nông thôn, nơi kinh tế thị trường còn rất kém phát triển, ví dụ hệ số Gini ở nông thôn Quảng Nam - Đà Nẵng là 0,37.

Để làm rõ hơn những vấn đề của sự phân tầng về thu nhập nói trên, chúng tôi lưu ý đến các chỉ số nghèo tương đối để qua đó hiểu rõ thêm về diện mạo phân tầng xã hội.

Theo chúng tôi người được coi là nghèo tương đối là những người ở trong số 40% dân số xã hội có mức thu nhập thấp nhất và được coi là giàu tương đối là những người ở trong số 20% dân số có thu nhập cao nhất. Cuộc khảo sát của chúng tôi cho thấy thu nhập trung bình của 40% dân số nghèo nhất và 20% dân số giàu nhất tại các địa phương như sau (xem bảng : Thu nhập trung bình đầu người / tháng của 40% thấp nhất và 20% cao nhất) :

Chênh lệch thu nhập trung bình của 40% dân số nghèo nhất so với 20% dân số giàu nhất hay khoảng cách giàu nghèo thấp nhất là tại thị xã Hải Dương (gần 2 lần). Và cao nhất vẫn tại Hà Nội, tỉ số này cao gấp 7 lần. Cũng tại đây, chúng ta có thể thấy mức thu nhập trung bình của 20% dân số Hà Nội có thu nhập cao nhất cao gấp gần 3 lần mức trung bình của toàn thành phố, cao hơn rất nhiều so với các địa phương khác, và ngay cả đối với thành phố Hồ Chí Minh con số này cũng chỉ là trên 2 lần.

Thu nhập trung bình đầu người tháng của 40% thấp nhất và 20% cao nhất (@àng)

Địa phương	40% thấp nhất	20% cao nhất	CHUNG
Thị trấn phè Hµ Néi	89.000	601.750	224.520
Thị trấn phè Hả ChÝ Minh	234.000	1053.690	491.390
Thị trấn phè CÇn Th	130.000	527.520	265.580
Thị trấn phè §µ N½ng	88.000	288.410	148.300
Thị trấn x· H¶i D-ng	111.000	313.190	181.900
N«ng th«n CÇn Th	86.000	439.840	188.430
N«ng th«n Qu¶ng Nam-§µ N½ng	64.000	305.810	135.370
N«ng th«n H¶i H-ng	63.000	189.850	100.590

Nhìn chung trừ một vài địa phương, 40% dân số tại tất cả các địa phương đều có thu nhập trung bình dưới 100.000 đồng/tháng. Thấp nhất là tại nông thôn Hải Hưng, thu nhập trung bình của 40% dân số nghèo nhất là 63.000 đồng.

Qua thực tế nghiên cứu, vào thời điểm cuộc khảo sát được tiến hành, chúng tôi tạm đưa ra một giả thiết: giới hạn nghèo đói là nhóm có thu nhập hàng tháng dưới 75.000 đồng/người. Chúng tôi không chỉ phân chia giàu nghèo thành 5 nhóm dân số bằng nhau có thu nhập từ thấp đến cao mà còn chia thành 5 nhóm giàu nghèo căn cứ vào sự gia tăng gấp đôi thu nhập. Có nghĩa là mỗi nhóm kế tiếp có thu nhập cao gấp đôi nhóm thu nhập kế sau nó. Kết quả cho thấy: có 23% dân số nghèo đói (thu nhập bình quân dưới 75.000 đồng/người/tháng) trong đó có 6,4% ở khu vực đô thị và 27% ở khu vực nông thôn. Đi vào chi tiết hơn, có thể có các số liệu sau:

Thu nhập bình quân hàng tháng tại các vùng khảo sát

Địa phương	< 75000đ	75-150	150-300	300-600	> 600.000	CHUNG
TP Hà Nội	12,9%	42,2%	29,3%	8,8%	6,8%	100%
TX Hải Dương	3,3%	38,0%	50,0%	8,7%	0,0%	100%
TP Đà Nẵng	13,0%	56,2%	26,0%	3,4%	1,4%	100%
TP Cần Thơ	1,4%	27,7%	39,5%	27,1%	4,1%	100%
TP Hồ Chí Minh	0,4%	2,5%	35,5%	38,0%	23,6%	100%
NT Hải Hưng	37,5%	54,5%	6,5%	0,5%	1,0%	100%
NT Quảng Nam - Đà Nẵng	29,7%	47,4%	16,6%	5,1%	1,1%	100%
NT Cần Thơ	12,0%	48,5%	29,0%	8,0%	2,5%	100%

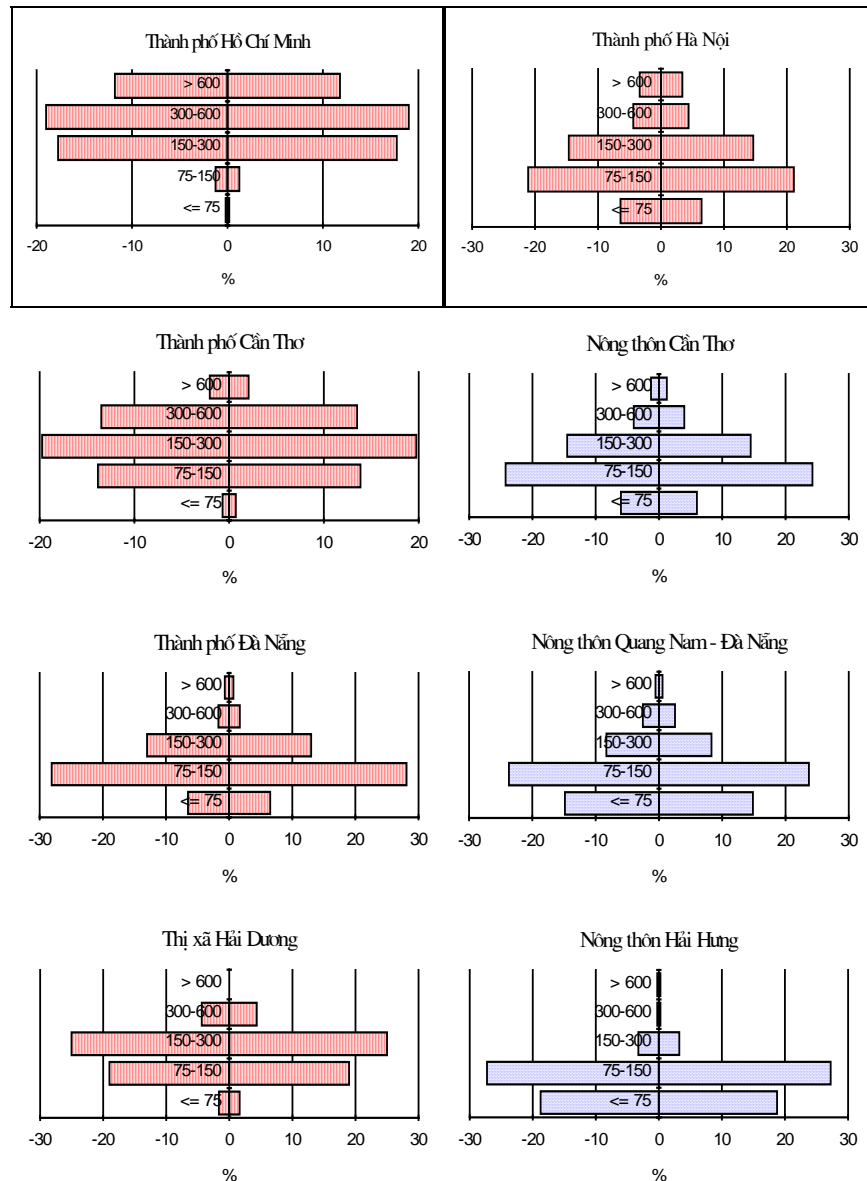
Diện mạo của sự phân tầng ấy, đương nhiên không phải đều là sản phẩm của 10 năm Đổi Mới. Với cơ chế thị trường, sự phân tầng ấy dễ thấy hơn, song nếu phân tích kỹ vào cái đáy nghèo của xã hội, sự bất bình đẳng thể hiện qua hệ số Gini, sẽ thấy rằng đó là hệ lụy của một thời kỳ rất

8 Những vấn đề của sự biến đổi xã hội sau 10 năm Đổi Mới ở Việt Nam

dài của nền kinh tế lạc hậu của Việt Nam, kể cả những hệ lụy trực tiếp của thời kỳ kế hoạch hóa tập trung và bao cấp mà người ta lầm tưởng rằng sự bất bình đẳng xã hội đã được xóa bỏ. Trong công trình nghiên cứu về cơ cấu xã hội Việt Nam, chúng tôi đã đưa ra kết luận : càng chậm phát triển, sự bất bình đẳng xã hội càng cao. Chỉ cần xem xét hệ số Gini giữa nông thôn và đô thị qua cuộc “Khảo sát xã hội học về phân tầng xã hội” mà chúng tôi đã công bố trên Tạp chí Xã hội học số 3 năm 1995 cũng thấy rõ điều đó (điều tra năm 1994) :

Địa phương	Hệ số Gini ở Đô thị	Hệ số Gini ở Nông thôn
Hà Nội	0.249	0.266
Quảng Nam - Đà Nẵng	0.291	0.372
Cần Thơ	0.321	0.368

Nếu sử dụng thang đo, sẽ có một **Tháp phân tầng và thu nhập** như sau:



Đương nhiên, sự phân tầng về thu nhập chỉ là một yếu tố tạo ra sự phân tầng về xã hội. Hơn nữa, thu thập số liệu về thu nhập của từng người không đơn giản và cũng không thể nói là có độ chính xác cao. Phải kết hợp với nhiều yếu tố khác nữa được xác lập bởi nhiều cách khác nhau trong nghiên cứu xã hội học, mới có thể đưa đến những nhận xét xác đáng về sự phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay. Những yếu tố đó cũng không phải là điều gì mới mẻ ngoài 3 vấn đề mà Max Weber đã từng nói đến trong thế kỷ trước, đó là địa vị kinh tế, quyền lực chính trị và uy tín xã hội. Trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam hiện nay, chúng tôi cho rằng những yếu tố quyết định đến quá trình phân tầng là: sở hữu, quyền lực và trí tuệ. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây chính là điều mà Max Weber đã lưu ý khi phân tích về thị trường: "loại cơ may trong thị trường là yếu tố quyết định thể hiện một điều kiện chung cho số phận của cá nhân. Theo nghĩa đó, "hoàn cảnh giai cấp", xét đến cùng, là "hoàn cảnh thị trường" (market situation).

Ngoài cuộc khảo sát của Viện Xã hội học chúng tôi, kết quả của nhiều cuộc khảo sát khác đã đưa ra những nhận xét: "những nơi phân tầng xã hội diễn ra mạnh mẽ, sâu sắc thường là nơi tạo ra sản phẩm cho xã hội nhiều hơn... ở những nơi này, phần đông mức sống của nhân dân được nâng lên" ¹. Những người giàu ở Hà Nội thường có sự kết hợp với nhau giữa 2 nhóm xã hội: là gia đình viên chức, đặc biệt là quan chức và tầng lớp thị dân. Những hộ giàu trong khu vực kinh tế quốc doanh thì 80% là quan chức có quan hệ giao thương với nước ngoài, như ngoại giao, thương vụ, tàu viễn dương và 20% là gia đình có liên quan đến các ngành hàng không, hải quan và công an kinh tế. Các hộ này đều có liên kết với các hộ kinh doanh ngoài quốc doanh. Vì vậy, đã có người muốn khái quát hộ giàu có ở Hà Nội là hộ có liên quan đến quan chức nghề hướng ngoại liên kết ngoài quốc doanh.

Những chủ hộ giàu thuộc khu vực ngoài quốc doanh ở Hà Nội trình độ học vấn thấp hơn khu vực quốc doanh (25% có trình độ đại học so với 90%). Trong đó chỉ có 40% hộ thuộc gia đình tư sản cũ, 86% số lao động chỉ hoạt động ngoài quốc doanh, 12% lao động cả ở quốc doanh và ngoài quốc doanh. Đa số là hộ buôn bán, bao mua: 75%, chỉ có 7,5% vừa sản xuất vừa kinh doanh. Phương thức hoạt động của họ gắn với những kẽ hở của chính sách, với sự móc nối thân quen và tiền chạy chọt tiêu cực... Cửa hàng kinh doanh của họ 80% gắn với mặt đường, trong đó 40% mặt hàng ngoại nhập, 26% hàng xuất khẩu, 14% kinh doanh vàng bạc, đá quý và đồ cổ. Vì vậy, nói đến sự sầm uất của Hà Nội là nói đến sự sống động của hoạt động kinh tế ngoài quốc doanh. ² Các tác giả nói trên đã lưu ý " Các khảo sát ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy đã xuất hiện rất nhiều chủ doanh nghiệp tư nhân có số vốn lớn, từ 10 tỉ đến 20 tỉ đồng với số lao động từ 1000 đến 9000 công nhân, làm ăn có lãi, hiệu quả kinh doanh cao hơn hẳn so với các doanh nghiệp nhà nước và tập thể. ³ Dựa trên những số liệu đó, đã có sự nhận định khái quát: "Phân tầng xã hội đang diễn ra phong phú đa dạng, nó là kết quả trực tiếp của sự chuyển đổi cơ chế và cơ cấu kinh tế, mặt khác nó cũng có tác dụng kích thích mạnh mẽ sự chuyển đổi kinh tế, làm tăng thêm tính cơ động xã hội và sự phân công lại lao động xã hội ". ⁴

Đáng tiếc là cùng với những yếu tố tích cực có thể quan sát được, nhiều vấn đề tiêu cực nổi cộm của sự phân tầng xã hội nói trên đang gây nên nhiều phản ứng xã hội.

¹"VỀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY". § Nguyễn Ph-ông chĩ bi-n. § Ở tại KX07.05 XuÊt b¶n t¶i Hµ NÚi, 1994. tr. 28, tr.12, tr.32.

²"VỀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY". § Nguyễn Ph-ông chĩ bi-n. § Ở tại KX07.05 XuÊt b¶n t¶i Hµ NÚi, 1994. tr. 28, tr.12, tr.18, tr.32.

³"VỀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY". § Nguyễn Ph-ông chĩ bi-n. § Ở tại KX07.05 XuÊt b¶n t¶i Hµ NÚi, 1994. tr. 28, tr.12, tr.18, tr.32.

⁴"VỀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY". § Nguyễn Ph-ông chĩ bi-n. § Ở tại KX07.05 XuÊt b¶n t¶i Hµ NÚi, 1994. tr. 28, tr.12, tr.18, tr.32.

Nếu sự phân tầng xã hội mang tính quy luật của kinh tế thị trường, đặc biệt là sau một thời kỳ dài ngự trị của chủ nghĩa bình quân, bao cấp làm thui chột và triệt tiêu dần động lực của sản xuất, sự phân tầng ấy là cần thiết để tạo ra động lực của sự phát triển thì cũng chính sự phân tầng ấy đang bộc lộ những mặt xấu ngày càng rõ nét. Điều làm người ta băn khoăn nhiều nhất là: rất khó xác định được sự khá giả lên nhanh chóng của nhóm trung lưu lớp trên của xã hội hiện nay với của cải giàu có của họ là do năng lực thực sự của họ hay là do vị thế mà họ chiếm giữ? Phải chăng là quyền lực đang để ra sở hữu, điều mà chúng tôi đã phân tích trong cuộc "Khảo sát xã hội học về phân tầng xã hội" của chúng tôi vừa qua? Sự quy tụ khá tù mù của tài năng kinh doanh và tài năng quản lý trong những cơ may nào đó mà người ta tranh thủ được đã khiến cho người ta dễ có ý nghĩ là chen chân được vào trong bộ máy nhà nước sẽ có điều kiện dễ dàng kiếm được lợi nhuận. Ý nghĩ đó hình thành trên một bối cảnh xã hội là tinh thần luật pháp rất kém đi liền với một hệ thống pháp luật chưa đồng bộ và có rất nhiều sơ hở, gắn liền với bộ máy quan liêu yếu kém về năng lực và kinh nghiệm trong quản lý hành chính. Phải chăng đây là một trong những cội nguồn của sự tham nhũng đang được xem là quốc nạn và là "chủ đề được nói và phê phán rất nhiều, có thể nói là nhiều nhất trong tất cả các chủ đề" như Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã trình bày trong ngày 6-11-1996 của kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa 9. Thủ tướng cũng đồng thời nhận xét: "Tuy nhiên, so với các chủ đề khác thì tham nhũng được phê phán nhiều hơn nhưng việc bàn để có giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi thì còn quá ít" trong khi "nạn tham nhũng hoành hành ở mọi ngành, mọi nơi, mọi cấp, chỉ khác nhau về mức độ và hình thức". Người đứng đầu chính phủ đã kiến nghị Quốc hội trao cho ông "có đủ thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, xử lý hành chính (khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc và kiến nghị truy tố trước pháp luật) theo đúng pháp luật, tất cả cán bộ được Thủ tướng bổ nhiệm có hành vi tham nhũng".⁵

3. Những vấn đề của tâm trạng xã hội

Từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp chỉ thừa nhận có 2 hình thức sở hữu, chuyển sang cơ chế thị trường của nền kinh tế đa sở hữu, sự chuyển đổi quan trọng đó làm thay đổi nhanh chóng vị thế xã hội của không ít những người tranh thủ được cơ may do thị trường tạo ra. Có người giàu lên rất nhanh và cũng không ít người chững lại hoặc lùi xuống những vị thế thấp trong sự nghèo túng với tất cả sự hoài niệm mình là người không hợp thời!

Vấn đề suy tư không phải chỉ của riêng ai: lấy cái gì làm căn cứ để khẳng định rằng cái vị thế xã hội mà tôi đang có đúng là cái mà tôi có quyền được nhận và được khai thác, phát huy? Trong tâm lý thông thường của người đời, người ta thường ám ảnh bởi một suy tưởng; cái mà họ đáng phải có bao giờ cũng cao hơn cái mà họ đang có. Trong bối cảnh đặc thù của xã hội Việt Nam đầy biến động trong cả một thế kỷ qua, đặc biệt là trong hai phần ba cuối của thế kỷ 20 này, mà càng về cuối những biến động càng dồn dập, thì loại suy tư nói trên càng ám ảnh nặng trong tâm tưởng của không ít người.

Từ một xã hội cổ truyền được vận hành theo những quan hệ ứng xử sang một xã hội mới cần vận hành theo quan hệ chức năng, có khá nhiều điều bất cập trong quản lý xã hội và điều ấy dẫn đến sự rối loạn chức năng trong sự vận hành các hoạt động xã hội, đặc biệt là trong quản lý hành chính. Các quan chức của bộ máy quản lý xã hội vốn được tuyển chọn theo những tiêu chuẩn "đức, tài" nhiều khi rất trừu tượng mà không phải là sự tuyển chọn thông qua quá trình huấn luyện hoặc đào tạo có bài bản nhằm thực thi những nhiệm vụ được xác định rõ ràng, do vậy dễ tạo ra ảo tưởng rằng, cứ có một số tiêu chuẩn nào đó là người ta có thể đảm nhiệm được bất cứ chức trách, công vụ bất kể nó là thế nào! Điều này không chỉ tạo ra hệ quả là bộ máy hành chính quan liêu ngày càng phình rộng ra mà bao lần hồ hào tinh giảm biên chế không làm được, khiến cho hiệu suất của bộ máy quản lý rất thấp và nhìn chung là bất cập so với đòi hỏi ngày càng tăng của

⁵ Báo *Nhân dân* ngày 8 th,ng 10 n"m 1996. trang 1 cột 3 vự trang 3, cột 1.

cuộc sống. Vấn đề còn sâu sắc và phức tạp hơn chính lại là cuộc chạy đua để kiếm những chức vụ béo bở có thể là tiền đề cho việc đi tắt trong tìm kiếm lợi nhuận và chớp giựt cơ hội để làm giàu, để thăng tiến xã hội một cách nhanh nhất không cần dựa vào trí tuệ, tài năng, lao động nghiêm túc và kinh nghiệm tích lũy được. Hệ lụy của xu hướng này chính là: cùng với việc kinh tế thị trường khởi động được tiềm năng cá nhân, tạo ra tính năng động xã hội cao và tạo điều kiện cho những người hội đủ các điều kiện cần thiết đã có những bước thăng tiến xã hội xứng đáng, thì một số người khác đang rất băn khoăn về vị thế xã hội của mình, đặc biệt là những người khó có khả năng và cơ hội tiếp cận với thị trường. Quá trình thanh lọc của thị trường chưa có được một bề dày cần thiết để cho từng thành viên trong xã hội hiểu được rõ thực chất năng lực và sở trường của mình để an tâm với những vị thế tương xứng của nó. Hơn nữa, nét sơ khai của một hệ thống thị trường chưa hoàn toàn là một hệ thống thị trường luật định, khiến cho những khe hở của luật pháp và của sự bất cập trong quản lý đã tạo điều kiện cho lối làm ăn phi pháp phát huy được sức mạnh của chúng, gây nên những bất an trong tâm trạng xã hội. Công luận của xã hội lên án những lối làm ăn phi pháp ấy cũng mạnh mẽ và quyết liệt không kém đối với hiện tượng tham nhũng, lãng phí và tệ quan liêu.

Biện chứng của cuộc sống cho thấy rằng, xã hội muốn phát triển bền vững, một mặt đòi hỏi tính cơ động xã hội cao, đòi hỏi ý chí thăng tiến xã hội của mỗi thành viên luôn luôn được cổ vũ để tạo ra động lực, mặt khác lại đòi hỏi mỗi con người tự xác lập được vị thế phù hợp với trí tuệ, tài năng và những điều kiện cần thiết mà họ đang có. Không hình thành được tâm thế ấy, không tạo ra được sự ổn định xã hội cần có để phát triển. Đặc biệt là đối với một đất nước đã từng trải qua những biến động lớn lao suốt hai phần ba thế kỷ như Việt Nam thì sự ổn định xã hội ấy lại càng cần thiết hơn bao giờ hết để có sự phát triển nhanh và bền vững. Sự ổn định ấy không hề mâu thuẫn với quan điểm về phát triển như là một tiến trình nhằm giúp mỗi người thêm tự do trong việc theo đuổi các mục tiêu mà họ quan tâm. ở đây, một vấn đề mà từ thời xa xưa Aristote đã đặt ra : tiềm năng của một cá thể là những phối hợp chức năng khác nhau về hành vi và trạng thái mà người đó có khả năng lựa chọn, vấn đề đó dường như đang nổi trội lên như là một thách đố đối với sự phát triển của Việt Nam.

Nổi trội lên còn do một niềm suy tư khác nữa. Cùng với tin tức về việc làm ăn thua lỗ kéo dài của hơn 2.000 doanh nghiệp Nhà nước, báo chí thường xuyên đăng tải những vụ thất thoát của công hàng trăm, hàng ngàn tỷ mà thủ phạm lại vẫn là người nhà nước, thậm chí là cơ quan nhà nước : như việc thất thoát hơn 3000 tỷ đồng của Ngân hàng Nhà nước; 500 tỷ đồng của một công ty cấp quận Tamexco; 600 tỷ đồng của Công ty dệt Nam Định, cũng ngần ấy tỷ đồng của Liên hiệp xí nghiệp Dâu Tằm tơ, nhiều tỷ đồng của Bảo hiểm Y tế, v.v... Thậm chí có thể tùy tiện để ngoài ngân sách Nhà nước của Tổng cục Bưu chính viễn thông khoảng 800 tỷ đồng thu chênh lệch về tiền mắc điện thoại, khoảng gần 200 tỷ đồng chuyển mạng v.v...⁶ Ngay đến một tỉnh nghèo như Sơn La mà một phó trưởng phòng kế hoạch ngân sách ở Sở Tài chính vật giá cũng có thể chiếm đoạt đến 292 triệu đồng của Nhà nước !⁷

Một khi mà "sở hữu toàn dân" bị cướp đoạt một cách trắng trợn và tàn bạo đến vậy thì vấn đề đặt ra trong tâm trạng của người dân với tư cách công dân là phải nhìn nhận như thế nào về quyền sử dụng cái đang được gọi là sở hữu toàn dân đó. Vấn đề tiếp liền sau câu hỏi ấy cũng sẽ là nỗi suy tư về các hình thức sở hữu, trên căn bản nào để điều chỉnh mối quan hệ giữa người và người trong xã hội khi các chế độ sở hữu chưa xác lập được một cách thật rõ ràng. Sự chưa rõ ràng này sẽ là những chướng ngại cơ bản cho việc hình thành những chính sách điều chỉnh cần thiết hướng tới việc định hình một xã hội hiện đại như mục tiêu mà Đại hội 8 đề ra. Xã hội hiện đại ấy, theo một hiểu biết thông thường, được hậu thuẫn bởi một tầng lớp trung lưu ngày càng đông đảo

⁶ B, o Nh © n d © n ngày 24 th, ng 10 n' m 1996, trang 4, cét 5.

⁷ B, o Nh © n d © n ngày 21 th, ng 9 n' m 1996, trang 4, cét 7. B, o § Cu t- sè 188, th, ng 11/1996, trang 2, cét 3.

mà nguồn của cải của họ là do sự lao động nghiêm túc với một tài năng được thường xuyên bồi đắp trong một cung cách làm ăn chính đáng trên căn bản một hệ thống luật pháp đồng bộ và hoàn chỉnh.

Sự điều chỉnh xã hội là một tất yếu để tạo ra sự ổn định xã hội, tiền đề của sự phát triển bền vững. Từ chủ nghĩa bình quân của thời kỳ kế hoạch hóa tập trung và bao cấp, đã có một sự điều chỉnh xã hội lớn được thực hiện bằng sự chấp nhận cơ chế thị trường với nền kinh tế nhiều thành phần.

Điều chỉnh từ một xã hội chỉ chấp nhận có 2 hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể) sang hình thức đa sở hữu đã tạo ra nguồn động lực của thời kỳ Đổi Mới. Hiện nay, khi chủ trương đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Việt Nam thật sự đang đi vào quỹ đạo phát triển của khu vực và của thế giới thì vấn đề điều chỉnh xã hội như thế nào để tạo điều kiện thúc đẩy cho sự phát triển ấy đang là một thách thức.

Sự điều chỉnh xã hội ấy, đôi khi không chỉ do đòi hỏi từ bên trong mà còn do sự hối thúc của bên ngoài để làm cho Việt Nam có thể có sự hội nhập nhanh chóng với thế giới. Ở trên, tôi đề cập đến vấn đề tham nhũng và tâm trạng của người dân muốn có sự nhìn nhận như thế nào về quyền sử dụng cái đang được gọi là sở hữu toàn dân, thì đây cũng không riêng gì vấn đề đang đặt ra ở Việt Nam. Theo Flora Lewis, nhà báo Mỹ chuyên về các sự kiện quốc tế thì tham nhũng đang là một hiện tượng mang tính toàn cầu, đó là một "hiện tượng đã có từ lâu đời, chẳng kém gì xã hội"⁸ còn Donatella della Porta, giáo sư khoa học chính trị thuộc Đại học Florence - Italia, thì cho rằng "tham nhũng có lẽ chủ yếu phát triển trong thời kỳ chuyển tiếp (thường là đột ngột) từ một xã hội truyền thống sang một chế độ hiện đại mà ở đó có sự phân biệt rạch ròi giữa lĩnh vực nhà nước và lĩnh vực tư nhân"⁹. Theo bà, "tham nhũng có lẽ là một biện pháp không chính thức để làm thay đổi cơ cấu nhằm chấp vá một hình thức xã hội đang tan vỡ dưới sức ép kinh tế, chính trị đang có nguy cơ bị biến mất sau khi các sức mạnh của thị trường và nền dân chủ được chuẩn mực hóa"¹⁰.

Phải chăng vấn đề của Việt Nam cũng không chỉ riêng của Việt Nam khi mà Việt Nam muốn kết bạn với thế giới.

Xã hội Việt Nam đang chuyển động nhanh sang hướng một xã hội hiện đại với cơ chế thị trường theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Những thành tựu của Đổi Mới 10 năm qua đã in đậm trong đời sống vật chất và tinh thần của xã hội Việt Nam. Một tâm tư duy mới đã phát huy sức mạnh của nó khiến cho tâm thế của xã hội cổ vũ mạnh mẽ cho việc đẩy mạnh công cuộc Đổi Mới. Tâm thế ấy là hậu thuẫn vững chắc cho sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đồng thời với tâm thế ấy, quần chúng cũng đòi hỏi rất cao về sự lãnh đạo đó phải ngang tầm với sự nghiệp Đổi Mới đang đi vào một thời kỳ mới, khó khăn hơn song cũng nhiều triển vọng hơn. Đó là một xu thế không thể đảo ngược được. Vấn đề đặt ra chỉ là tốc độ. Những lực cản, lẽ dĩ nhiên, không ít. Song quyết tâm của lãnh đạo cũng như của một đa số tuyệt đối hỗ trợ và mong chờ những bước phát triển nhanh để thu ngắn khoảng cách tụt hậu của Việt Nam đối với khu vực và đối với thế giới sẽ là một đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và sâu rộng của công cuộc Đổi Mới trong thời gian tới.

Những vấn đề của sự biến chuyển của xã hội Việt Nam đang là chủ đề nghiên cứu thú vị không chỉ đối với các nhà khoa học Việt Nam mà còn đối với các nhà khoa học nước ngoài quan tâm đến Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

⁸ "Ng-êi @-a tin UNESCO" - Sè 6 - 1996. Trang 15.

⁹ "Ng-êi @-a tin UNESCO" - Sè 6 - 1996. Trang 18.

¹⁰ "Ng-êi @-a tin UNESCO" - Sè 6 - 1996. Trang 18.